

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 19-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiêm.

Bà Lương Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 466/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1967

Địa chỉ: I N, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Ngọc M**, sinh năm 1973

Địa chỉ: A ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Mai Thị M1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: A ấp V, xã A, thành phố T, tỉnh Long An

(Ông Đ, bà M, bà M1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 của ông Nguyễn Minh Đ và các lời trình bày có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 01/10/2023, bà Lê Thị Ngọc M có bảo lãnh cho bà Mai Thị M1 đến mượn của ông số tiền 44.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, hạn 01 tháng trả. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả

nhưng bà M1 chưa trả cho ông số tiền gốc cùng với lãi suất thỏa thuận. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà M (là người bảo lãnh cho bà M1 vay tiền) phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 44.000.000đ, là số tiền bà M1 vay của ông theo hợp đồng bảo lãnh mà bà M đã ký kết, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngày 31/12/2024, ông Đ có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Lê Thị Ngọc M, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị M1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Ngọc M, bà Mai Thị M1 đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà M, bà M1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của các đương sự đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Phiên tòa hôm nay, bà M, bà M1 cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” với bà Lê Thị Ngọc M có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập bà M, bà M1 đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà M, bà M1 không chấp hành. Riêng ông Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: theo lời trình bày của ông Nguyễn Minh Đ thì vào ngày 01/10/2023, ông Đ có cho bà Mai Thị M1 vay số tiền 44.000.000đ, thời hạn trả là 01 tháng, lãi suất vay là 3%. Khi hết thời hạn vay, bà M1 không trả cho ông số tiền gốc cũng như tiền lãi đã thỏa thuận. Khi bà M1 vay tiền ông thì có bà Lê Thị Ngọc M đứng ra bảo lãnh cam kết sẽ trả thay cho bà M1 số tiền trên khi bà M1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ. Nay, do bà M1 không trả tiền cho ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà M là người bảo lãnh cho bà M1 vay tiền phải trả cho ông số tiền vay. Kèm theo lời trình bày của mình, ông Đ cung cấp

cho Tòa án 01 văn bản đề ngày 01/10/2023 có chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc M có nội dung “Tôi xin cam kết trả thay số tiền: 44.000.000đ (Bốn mươi Bốn Triệu Đ1) mà chị mười có mượn của anh Đ, 1 tháng ~~thầy~~ T...”. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung văn bản đề ngày 01/10/2023 có chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Ngọc M thì đủ cơ sở để xác định bà M có cam kết với ông Đ trả thay cho bà M1 số tiền gốc vay là 44.000.000đ. Bà M được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền mà bà M1 đã vay nhưng bà M không có ý kiến gì nên việc ông Đ khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự.

[4] Về phạm vi bảo lãnh: Căn cứ vào văn bản đề ngày 01/10/2023 thì xác định, bà M chỉ cam kết bảo lãnh trả thay bà M1 đối với phần tiền gốc vay là 44.000.000đ, không có cam kết trả thay bà M1 phần lãi suất vay. Ông Đ là người khởi kiện cũng chỉ yêu cầu bà M trả số tiền gốc vay chứ không yêu cầu trả lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ có căn cứ buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền gốc vay là 44.000.000đ trong phạm vi cam kết bảo lãnh của bà M theo quy định tại Điều 336 Bộ luật dân sự.

[5] Về phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả tiền, bà M không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà M trả cho ông Đ số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 335; Điều 336; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc M trả cho ông số tiền 44.000.000đ.

Buộc bà Lê Thị Ngọc M trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 44.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 2.200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.100.000đ theo biên lai thu số 0000896 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh